

Số: 25 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Phiếu xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường số 73/GXN-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2009 do UBND huyện Cẩm Giàng cấp cho dự án “Cơ sở sản xuất máy trộn bê tông” của Công ty Cổ phần thương mại và cơ khí công trình.

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần thương mại và cơ khí công trình ngày 25/11/2024 và Văn bản số 28/CV-GPMT ngày 28/12/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của “Cơ sở sản xuất máy trộn bê tông” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 391/TTr-TNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần thương mại và cơ khí công trình, địa chỉ tại số 33, ngõ 33 phố Tân Ấp, phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Cơ sở sản xuất máy trộn bê tông” tại thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở sản xuất máy trộn bê tông.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0101954595 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/02/2020.

Giấy chứng nhận đầu tư số 04121000108 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/06/2008.

1.4. Mã số thuế: 0101954595.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất máy trộn bê tông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 11.561 m².

- Công suất của cơ sở:

Sản xuất máy trộn bê tông nhựa quy mô 03 máy/năm (trong đó: Loại 40T/h 01 máy/năm; loại 80T/h 02 máy/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần thương mại và cơ khí Công Trình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần thương mại và cơ khí Công Trình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến hết ngày 20/06/2033.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần thương mại và cơ khí Công Trình;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị trấn Lai Cách;
- Cổng thông tin điện tử huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước làm mát (không thải ra ngoài môi trường)

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải chung.
- Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Tọa độ X(m): 2315989; Y(m): 576809 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn theo mẻ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giới hạn cho phép theo QCVN14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B, giá trị C_{max} với hệ số $K = 1,2$ như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ
			Cột B	Giá trị giới hạn C_{max} với $K = 1,2$	
1	pH	-	5÷9	5÷9	Không thộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	1.200	

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ
			Cột B	Giá trị giới hạn C_{max} với $K = 1,2$	
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4	4,8	Không thuộc đối tượng
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12	
7	Nitrat (NO_3^-) tính theo N	mg/l	50	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	12	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) tính theo P	mg/l	10	12	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sản xuất: là nước làm mát, được sử dụng tuần hoàn và không thải ra ngoài môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ khu vực bồn rửa tay khu vực xưởng được thu gom vào hồ thu sau đó được bơm theo đường ống HDPE D27 dài 75m về bể xử lý nước thải chung.

- Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại đặt ngầm bên dưới sau đó theo đường ống PVC D27 dài 5m dẫn về bể xử lý nước thải.

Nước thải sau xử lý theo đường ống HDPE D27 dài 80m đi luôn trong rãnh thoát nước mưa thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc thị trấn Lai Cách tại 1 điểm xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại, cùng với nước thải rửa tay → Bể thu gom → Hệ thống xử lý dạng mẻ SBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 2 m³/m².

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen: 10 g/ngày (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn nước thải từ các nguồn phát sinh về hệ thống xử lý, kiểm tra các bơm, hệ thống điện, kiểm tra hoạt động của các thiết bị trong hệ thống;

- Ghi nhật ký vận hành hệ thống: lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm, các chất độc, ảnh hưởng của nhiệt độ hàng ngày;

- Các thiết bị được trang bị cho hệ thống xử lý nước thải đều có hệ số dự phòng để đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường khi 01 thiết bị gặp sự cố.

- Đào tạo nhân viên vận hành hệ thống bài bản, số lượng 01 người.

- Phương án khắc phục khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Ngừng xả nước thải để khắc phục sự cố. Liên hệ với đơn vị thiết kế để tìm hiểu nguyên nhân sự cố và cách khắc phục.

+ Trong trường hợp có thiết bị, máy móc bị hư hỏng thì phải tiến hành thay thế một cách nhanh chóng để tránh tình trạng toàn bộ hệ thống không đạt hiệu quả và ứ đọng nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt- Công suất 2 m³/m².

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 6 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- 01 mẫu nước thải đầu vào.

- 01 mẫu nước thải đầu ra tại điểm xả nước thải sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải, khí thải: Không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải:

- Mẫu nước thải trước xử lý tại bể thu gom: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận nước thải.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định theo QCVN14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B, giá trị C_{max} với hệ số $K = 1,2$.

3.6. Trong quá trình xả thải vào nguồn tiếp nhận, nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước tại nguồn tiếp nhận, Công ty cổ phần thương mại và cơ khí công trình phải báo cáo kịp thời về UBND huyện Cẩm Giàng.

3.7. Công ty cổ phần thương mại và cơ khí công trình chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động sản xuất trong xưởng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2316064; Y(m) = 576759 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng Kg/năm
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	4
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	120
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	60
4	Bao bì mềm thải dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	120
5	Phế thải, bavia, mặt kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	-	120
	Tổng			424

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Phế thải kim loại (các bavia, mẫu thép vụn, sắt phoi, mặt sắt, vảy sắt, thép thừa)	Rắn	-	1.200
2	Bao bì carton, giấy rách, hỏng	Rắn	18 01 05	120
3	Palet gỗ hỏng	Rắn	18 01 07	30
4	Bùn từ hệ thống thoát nước mưa, bể phốt, HTXL nước thải	Bùn	-	1.000
5	Xi hàn không chứa TPNH	Rắn	-	60
	Tổng			2.410

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **3,12 tấn/năm.**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Thùng chứa, bao bì chứa.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ bảo đảm sàn kín, không bị thấm thấu, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ kho. Kho được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ, bố trí vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa, bao bì chứa.

- Diện tích kho: Tập kết trong khu vực nhà xưởng.

2.3. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu giữ: Thùng chứa.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty cổ phần thương mại và cơ khí Công Trình có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải chung đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất hiện nay của Cơ sở chỉ thực hiện sản xuất máy trộn bê tông nhựa. Do đó, trước khi Cơ sở lắp đặt máy móc, thiết bị để sản xuất máy trộn bê tông tươi thì phải lập lại hồ sơ môi trường theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.